

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 22-11-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Minh Lý

Bà Lê Thị Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Đỗ Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử vụ án Hôn nhân gia đình phúc thẩm, thụ lý số 15/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 60/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường G.S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T.H, xã M.T, huyện H.H, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường G.S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

3. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN THEO BẢN ÁN SƠ THẨM

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã M.T, huyện H.H, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/11/2005. Khi ly hôn chị M và anh H đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H trong bản tự khai cũng đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do xin ly hôn: Theo chị M, chị xin ly hôn với anh H do chị phát hiện anh H mắc tệ nạn xã hội, nghiện ma túy, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H vẫn không thay đổi, nên chị phải bỏ về quê sinh sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Theo anh H vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay là đúng. Do chị M đã có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, sau đó chị M đã bỏ ra ngoài thuê nhà riêng và trở về nhà bố mẹ đẻ sống, không quan tâm gì tới cuộc sống gia đình và nuôi dạy con cái, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì chị M có nhiều cái sai và lừa lọc anh cùng gia đình bố mẹ đẻ anh.

Với nội dung trên, tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/11/2005 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thành Đ với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu, thay đổi mức cấp dưỡng hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2022, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng: Không nhất trí ly hôn với chị M; Nhất trí giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ và yêu cầu chị M cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung đề nghị Tòa giải quyết nếu vợ chồng ly hôn (vì Tòa sơ thẩm chưa giải quyết); Xem xét lại việc vi phạm Luật hôn nhân gia đình của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh H phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn H thấy:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống chung hạnh phúc, anh chị đã có một con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/11/2005. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng trong cuộc sống chung. Chị M xác định anh H xa vào tệ nạn xã hội, không quan tâm đến gia đình, còn anh H cho rằng chị M không giữ gìn sự chung thủy giữa vợ chồng. Anh H và chị M đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không có sự tôn trọng, thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh H cũng không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình cảm của vợ chồng. Tại phiên tòa, anh H cũng không đưa ra được chứng cứ nào mới để Hội

đồng xem xét, đánh giá cho kháng cáo này. Do vậy, kháng cáo của anh H về việc không đồng ý ly hôn chị M là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh H nhất trí việc Tòa án cấp sơ thẩm giao con chung Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2005 cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thành Đ là 2.000.000đ/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh H khai: Anh và chị M còn có con chung thứ 2, do chị M sinh khoảng tháng 7/2022, nhưng anh không có tài liệu nào để chứng minh nộp cho Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Thấy rằng, quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cả anh H và chị M đều xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thành Đ sinh ngày 24/11/2005, không có con chung nào khác. Tại đơn kháng cáo, anh H cũng không kháng cáo về nội dung này. Tại phiên tòa, anh H cũng xác định không có tài liệu nào để cung cấp cho Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết. Nếu có đầy đủ chứng cứ, anh H có quyền khởi kiện yêu cầu xác định con chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong bản tự khai anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung đề nghị tự thỏa thuận. Anh H có mặt tại phiên hòa giải, đã được giải thích pháp luật nhưng anh H không có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, cũng không nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản chung và nợ chung để Tòa án sơ thẩm xem xét, giải quyết. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết và dành quyền cho anh H được khởi kiện bằng một vụ kiện khác là phù hợp, quyền lợi của anh H không bị ảnh hưởng mà vẫn được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh H cũng không nộp tài liệu chứng cứ nào về phần tài sản chung, cũng như nợ chung, nên Hội đồng xét xử cũng không có căn cứ để xem xét, đánh giá. Kháng cáo này của anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Đối với kháng cáo của anh H về việc xem xét chị M có hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy anh H không có căn cứ nào để chứng minh, tài liệu chứng cứ liên quan đối với yêu cầu này cũng không có, mà chỉ có lời khai nên Hội đồng không có cơ sở giải quyết.

[3] Kháng cáo của anh H là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên phần quyết định của bản án tuyên chưa đầy đủ, cách tuyên dài dòng gây khó hiểu nên Hội đồng xét xử sửa lại cho đúng.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa là có căn cứ;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

II. Sửa phần quyết định của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/11/2005 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có sự thay đổi khác). Chị Nguyễn Thị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thành Đ với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí:

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000822 ngày 23/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chị M còn phải chịu nộp tiếp 300.000đ.

+ Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000047 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Lý

Lê Thị Hồng Phương

Nguyễn Thị Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 11 năm 2022

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Minh Lý và bà Lê Thị Hồng Phương.

Căn cứ vào Điều 235 và Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử đã tiến hành nghị án đối với vụ án hôn nhân gia đình phúc thẩm về việc: Ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường G.S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T.H, xã M.T, huyện H.H, tỉnh Bắc Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, phường G.S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (có mặt).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

I. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

II. Sửa phần quyết định của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 60/2022/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 24/11/2005 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi (hoặc đến khi có sự thay đổi khác). Chị Nguyễn Thị M được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Nguyễn Thị M phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Nguyễn Thành Đ với số tiền 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Thành Đ đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và đến thời điểm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được cấp dưỡng, cha, mẹ hoặc người giám hộ của người đó có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

+ Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết. Các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

4. Về án phí:

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000822 ngày 23/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Chị M còn phải chịu nộp tiếp 300.000đ.

+ Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000047 ngày 05/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP. TN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP.TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thuỷ